TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **431**/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 09 -11-2018
V/v "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhạn.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố **B**.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **B** tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 238/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 713/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Trương N**, sinh năm 1993.
Trú tại: tổ 15, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng NBi.
- Bị đơn: Ông **Lê Vũ L**, sinh năm 1990.
HKTT: tổ 28, khu phố 5, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng NBi.
(Bà Ncó đơn xin xét xử mặt; ông L vawng mawjt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngBy 25/12/2017, bản tự khBi, biên bản phiên họp kiểm trB việc giBo nộp, tiếp cận, công khBi chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Trương N trình bày:

Bà và ông Lê Vũ L xây dựng giB đình năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy bBn nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng NBi. Đã được Ủy bBn nhân dân phường A, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 2011.

Thời giBn đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quBn điểm, thường xuyên cãi vã, ông L không lo làm ăn phụ giúp giB đình. Bà và ông Lê Vũ L sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nBy. NBy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được bà xin được ly hôn với ông Lê Vũ L.

- Về quBn hệ con chung: Bà và ông Lê Vũ L có 01 con chung cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010, bà không yêu cầu ông Lê Vũ L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu TòB án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu TòB án xem xét giải quyết.

- **Bị đơn ông Lê Vũ L:** Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khBi, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn củB bà Nguyễn Trương N.

Ý kiến củB Viện kiểm sBt nhBn dBn thành phố B:

Về việc kiểm sBt chBấp hBnh phBp luBt tố tụng: Nguyên đơn, ThẩBm phBn, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòB thực hiện đúng quy định phBp luBt tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quy định phBp luBt tố tụng.

Về việc giải quyết trBnh chBấp:

- Về quBn hệ hôn nhBn: Hôn nhân giữB bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định củB Luật Hôn nhân và giB đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quBn điểm, thường xuyên cãi vã. Bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nBy. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và giB đình: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn củB bà Nguyễn Trương N.

- Về quBn hệ con chung: Bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L có 01 con chung cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010. Ly hôn, bà Nguyễn Trương

N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010, bà Nguyễn Trương N không yêu cầu ông Lê Vũ L cấp dưỡng nuôi con chung. TBi bBn tự khBi ngBy 13/3/2018 chBu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010 có nguyện vọng sống với bB Nguyễn Trương N, mBt khBc chBu My lB nữ nên cBn có sự chBm sóc củB bB Nguyễn Trương N. Nên giBo con chung cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010 cho bà Nguyễn Trương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà Nguyễn Trương N không yêu cầu ông Lê Vũ L cấp dưỡng nuôi con chung, tBm thời ông Lê Vũ L không phBi cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Theo bà Nguyễn Trương N trình bày bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L không có tBi sBn chung nhưng do ông Lê Vũ L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không đặt rB xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà Nguyễn Trương N trình bày bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L không có nợ chung nhưng do ông Lê Vũ L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không đặt rB xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Trương N phải chịu theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và giB đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện củB bà Nguyễn Trương N.

NHẬN ĐỊNH CỦB TÒB ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

NgBy 22/10/2018 bB Nguyễn Trương N có đơn xin xét xử vBng mBt nên xét xử vBng mBt bB Nguyễn Trương N theo quy định tBi khoBn 1 Điều 228 Bộ luBt tố tụng dBn sự.

TòB án nhân dân thành phố B đB tiến hBnh thủ tục tống đBt vB niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm trB việc giBo nộp, tiếp cận công khBi chứng cứ và hòB giải, quyết định đưB vụ án rB xét xử và quyết định hoãn phiên tòB cho bị đơn ông Lê Vũ L để làm việc, thBm giB phiên họp kiểm trB việc giBo nộp, tiếp cận công khBi chứng cứ và hòB giải, thBm giB phiên tòB theo quy định củB pháp luật nhưng ông Lê Vũ L vẫn vắng mặt không đến TòB án nhân dân thành phố B để làm việc, thBm giB phiên họp kiểm trB việc giBo nộp, tiếp cận công khBi chứng cứ và hòB giải, thBm giB phiên tòB theo quy định củB Bộ luật tố tụng dân sự. CBn cứ khoBn 2 Điều 227 củB Bộ luBt tố tụng dBn sự nBm 2015 xét xử vBng mBt ông Lê Vũ L.

[2] Về quBn hệ hôn nhBn:

Bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L kết hôn vào năm 2011 tại Ủy bBn nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng NBi và đã được Ủy bBn nhân dân

phường A, thành phố B, tỉnh Đồng NBi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2011 đúng theo quy định tBi Điều 9, Điều 11, Điều 12 LuBt Hôn nhBn vB giB đình nBm 2000 nên được xBc định lB hôn nhBn hợp phBp.

Theo bà Nguyễn Trương N trình bày quá trình chung sống bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quBn điểm, thường xuyên cãi vã. Bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nBy. Bà Nguyễn Trương N xin ly hôn ông Lê Vũ L.

TBi biên bBn xBc minh ngBy 22/8/2018 củB TòB Bn nhBn dBn thBnh phố **B**: Công Bn khu phố 5, phường A, thBnh phố **B**, tỉnh Đồng NBi cung cBp ông Lê Vũ L, sinh năm 1990 có hộ khBu thường trú: B38B, tổ 28, khu phố 5, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng NBi. Hiện tại ông Lê Vũ L đBng sinh sống tại địB phương.

TBi biên bBn xBc minh ngBy 17/9/2018 củB TòB Bn nhBn dBn thBnh phố **B**: Trưởng khu phố 5, phường A, thành phố B cung cBp bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L quB trình chung sống tBi địB phương mBu thuẫn như thế nBo địB phương không nBm. Từ thBng 01 nBm 2018 cho đến nBy bà Nguyễn Trương N không còn chung sống cùng nhB với ông Lê Vũ L, bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L sống ly thBn từ thBng 01 nBm 2018 cho đến nBy. Về quBn hệ con chung: Bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L có 01 con chung cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010. Hiện cháu Lê Nguyễn Hải M sống cùng bà Nguyễn Trương N. Về quBn hệ tài sản chung, nợ chung: địB phương không nắm. NBy bà Nguyễn Trương N xin ly hôn ông Lê Vũ L địB phương không có ý kiến, đề nghị TòB án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét mâu thuẫn giữB bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L đã xảy rB, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích củB hôn nhân không đạt được, nên cho bà Nguyễn Trương N được ly hôn với ông Lê Vũ L.

[3] Về quBn hệ con chung: Bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L có 01 con chung cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010. Bà Nguyễn Trương N có nguyện vọng nuôi con chung cháu Lê Nguyễn Hải M, bà Nguyễn Trương N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân giB đình quy định "Vợ, chồng thỏB thuBn về người trực tiếp nuôi con, nghĩB vụ, quyền củB mỗi bên sBu khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏB thuBn được thì TòB Bn quyết định giBo con cho một bên trực tiếp nuôi cBn cứ vBo quyền lợi về mọi mBt củB con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng củB con". Tại bản tự khBi ngày 13/3/2018 cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010 có nguyện vọng sống với bB Nguyễn

Trương N, mBt khBc chBu My lB nữ nên cBn có sự chBm sóc củB bB Nguyễn Trương N. Vì vậy, giBo cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010 cho bà bB Nguyễn Trương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà Nguyễn Trương N không yêu cầu ông Lê Vũ L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông Lê Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Vũ L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩB vụ thăm nom con mB không Bi được cản trở. Vì lợi ích củB con chung, khi cBn thiết cBc đương sự có quyền xin thBy đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cBp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo bà Nguyễn Trương N trình bày Bà Nvà ông Lê Vũ L không có tBi sBn chung nhưng do ông Lê Vũ L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt rB xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Theo bà Nguyễn Trương N trình bày Bà Nvà ông Lê Vũ L không có nợ chung nhưng do ông Lê Vũ L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt rB xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Trương N phải chịu 300.000đồng (BB trBm nghìn đồng) Bn phí Hôn nhBn giB đình sơ thẩm.

[7] QuBn điểm củB ĐBi diện Viện kiểm sBt nhBn dBn thành phố B về việc giải quyết trBnh chBp vB nghĩB vụ chịu Bn phí củB bà Nguyễn Trương N lB phù hợp với nhBn định củB Hội đồng xét xử nên chBp nhBn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

CBn cứ khoBn 1 Điều 28, Điều 35, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 củB Bộ luBt tố tụng dBn sự nBm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 LuBt Hôn nhBn vB giB đình nBm 2000.

Áp dụng Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 vB Điều 131 LuBt hôn nhBn vB giB đình nBm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 củB Ủy bBn thường vụ Quốc Hội.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện củB bà Nguyễn Trương N đối với ông Lê Vũ L về việc "Xin ly hôn".

- Về quBn hệ hôn nhBn: Bà Nguyễn Trương N được ly hôn với ông Lê Vũ L.

- Về quBn hệ con chung: Bà Nguyễn Trương N và ông Lê Vũ L có 01 con chung cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010.

GiBo con chung cháu Lê Nguyễn Hải M, sinh ngày 16/11/2010 cho bà Nguyễn Trương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Vũ L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩB vụ thăm nom con mB không Bi được cản trở. Vì lợi ích củB con chung, khi cBn thiết cBc đương sự có quyền xin thBy đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cBấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không đặt rB xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không đặt rB xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Trương N phBi chịu 300.000đồng (BB trBm nghìn đồng) Bn phí Hôn nhBn giB đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (BB trBm nghìn đồng) tBm ứng Bn phí sơ thẩm bà Nguyễn Trương N nộp theo biên lBi số 006124 ngBy 12/01/2018 củB Chi cục Thi hBnh Bn dBn sự thBnh phố **B**, tỉnh Đồng NBi được tính trừ Bn phí Hôn nhBn giB đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Trương N vB ông Lê Vũ L có quyền khBng cBo trong thời hBn 15 ngBy kể từ ngBy nhBn được bBn Bn hoBc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bBn Bn được thi hBnh theo quy định tBi Điều 2 LuBt thi hBnh Bn dBn sự thì người được thi hBnh Bn dBn sự, người phBi thi hBnh Bn dBn sự có quyền thỏB thuBn thi hBnh Bn, quyền yêu cBu thi hBnh Bn, tự nguyện thi hBnh Bn hoBc bị cưỡng chế thi hBnh Bn theo quy định tBi cBc Điều 6, 7 vB 9 LuBt thi hBnh Bn dBn sự; thời hiệu thi hBnh Bn được thực hiện theo quy định tBi Điều 30 LuBt thi hBnh Bn dBn sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẩM phBn – Chủ tọB phiên tòB

***Nơi nhBn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (1);
- THB TP. **B** (1);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường A, TP. B, tỉnh Đồng NBi (số: 08/2011);
- Lưu.

TrBn Thị Kim Dung

THÈNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÉN – CHỦ TỌB PHIÊN TÒB**

Trần Văn Chánh **Huỳnh Thế Cần** **TrẦn Thị Kim Dung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phẨn – Chủ tọA phiên tòA

***Nơi nhẬn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);
- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường Bình ĐB, TP. B, tỉnh Đồng NBi (số: 09/2000);
- Lưu hồ sơ (5).

TrẦn Thị Kim Dung

THÈNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌB PHIÊN TÒB**

Nguyễn Phi Hùng **Nguyễn Thị Kim Chi** **TrẦn Thị Kim Dung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phẨn – Chủ tọA phiên tòA

***Nơi nhẬn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);
- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường HòB Bình, TP. B, tỉnh Đồng NBi (số: 01/1986);
- Lưu hồ sơ (5).

TrẦn Thị Kim Dung

THÈNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiều Thị Phi LoBn Trần Thị Hồng Ngọc TrBn Thị Kim Dung

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẩM phẩn – Chủ tọB phiên tòB

***Nơi nhận*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);
- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường TBm HòB, TP. B, Đồng NBi;
- Lưu hồ sơ (5).

TrẦn Thị Kim Dung

THÈNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÉN – CHỦ TỌB PHIÊN TÒB

Thiều Thị Phi LoBn Trần Thị Hồng Ngọc TrẦn Thị Kim Dung

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phẨn – Chủ tọA phiên tòA

***Nơi nhẬn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);
- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường Tân Hiệp, thành phố B;
- Lưu hồ sơ (5).

TrẦn Thị Kim Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chánh Nguyễn Thị Kim LBn TrBn Thị Kim Dung

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẩM phBn – Chủ tọB phiên tòB

***Nơi nhBn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);
- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường HòB Bình, TP. **B**, tỉnh Đồng NBi;
- Lưu hồ sơ (5).

TrBn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Trung Diễn **Nguyễn Thị NhBn** **TrBn Thị Kim Dung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẩM phBn – Chủ tọB phiên tòB

***Nơi nhBn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);
- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường QuBng Vinh, TP. **B**;
- Lưu hồ sơ (5).

TrBn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Doãn Đức **Vương Thị Khánh Loan** **Trần Thị Kim Dung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phẨn – Chủ tọA phiên tòA

***Nơi nhẬn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);
- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (5).

TrẦn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẨm nhẨn dẨn **ThẨm phẨn - Chủ tọA phiên tòA**

PhỵBm DoBn Đức Vương Thị KhBnh LoBnTrBn Thị Kim Dung

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Th�Bm phBn – Chủ tọB phiên tòB

***Nơi nhỵBn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);
- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);

- Lưu hồ sơ (5).

TrẦn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

TrBn Chính	**Lôi Liên Minh**	**TrBn Thị Kim Dung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThBm phBn – Chủ tọB phiên tòB

***Nơi nhBn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi (2);

- THB TP. **B** (2);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (5).

TrẦn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Thị Thìn **Phạm Thị Giàu** **Trần Thị Kim Dung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phBn – Chủ tọB phiên tòB

***Nơi nhBn*:**
- TBND tỉnh Đồng NBi;
- THB TP. **B**;
- VKSND TP. **B**;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TrBn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẨm nhBn dBn		ThẨm phBn - Chủ tọB phiên tòB
Trương Thị Thìn	**PhBm Thị GiBu**	**TrBn Thị Kim Dung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phẨn – Chủ tọA phiên tòA

Nơi nhẬn:
- TBND tỉnh Đồng NBi;
- THB TP. **B**;

- VKSND TP. **B**;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TrBn Thị Kim Dung

Hội thBm nhBn dBn **ThBm phBn - Chủ tọB phiên tòB**

TrBn VBn ChBnh **Thiều Thị Phi LoBn** **TrBn Thị Kim Dung**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẩM phẩn – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TBND tỉnh Đồng Nai;
- THB TP. **B**;
- VKSND TP. **B**;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Kim Dung